

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN DƯƠNG
TỈNH TUYÊN QUANG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2022/HNGĐ-ST

Ngày 21/3/2022

“V/v: Ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Tạ Hồng Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hữu Lượng và ông Vũ Thái Thịnh

Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Huệ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Hà Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 496/2021/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2021 về việc “*Ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị Đ, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang

(vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Vi Văn Ch, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

(vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Đ. và anh Vi Văn Ch. kết hôn với nhau vào năm 2009, trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 03/8/2009. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống làm việc tại thôn N, xã Đ, huyện S. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Từ đầu năm 2021 đến nay vợ chồng sống ly thân. Xác định tình cảm không còn,

tháng 10/2021 chị Phan Thị Đ. có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vi Văn Ch.

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phan Thị Đ. trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn do anh Vi Văn Ch. thường uống rượu say đánh đập chị vô cớ, mâu thuẫn đã được gia đình hòa giải nhưng anh Ch. không thay đổi. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn không thể hòa giải, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vi Văn Ch.

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai đương sự bị đơn anh Vi Văn Ch. trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn do chị Phan Thị Đ. đi làm ăn xa, vợ chồng bất đồng quan điểm về kinh tế, chị Đ. thường không hay về nhà nên tình cảm vợ chồng rạn nứt, hiện vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2021. Nay chị Đ. có đơn khởi kiện ly hôn với anh thì anh không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Vi Thị B, sinh ngày 10/04/2009 và Vi Đức T, sinh ngày 02/6/2013. Các cháu hiện đang sống cùng anh Vi Văn Ch. tại thôn N, xã Đ, huyện S. Trường hợp ly hôn chị Đ. và anh Ch. cùng có quan điểm được nhận trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại biên bản ghi ý kiến con chung chưa thành niên cháu Vi Thị B. và cháu Vi Đức T. trình bày quan điểm thể hiện: Trường hợp bố mẹ ly hôn thì các cháu cùng có nguyện vọng được sống cùng mẹ là Phan Thị Đ.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị Phan Thị Đ. và anh Vi Văn Ch. xác định tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh thể hiện: Anh Vi Văn Ch. có hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Anh Vi Văn Ch. và chị Phan Thị Đ. kết hôn với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng bình thường, thi thoảng có phát sinh mâu thuẫn nhỏ trong gia đình, thôn, xã chưa được hòa giải. Tuy nhiên từ đầu năm 2021 vợ chồng sống ly thân nhau, chị Đ. về nhà ngoại sống ở xã C, huyện S. còn anh Ch. vẫn ở địa phương, anh Ch. làm lao động tự do thường xuyên vắng nhà.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn khi tham gia tố tụng đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng đối với bị đơn không chấp hành nghiêm quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án: Chị Phan Thị Đ. và anh Vi Văn Ch. kết hôn vào năm 2009 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc thời gian đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng hiện sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay. Do vậy, căn cứ vào Điều 56 - Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX xử cho chị Phan Thị Đ. được ly hôn với anh Vi Văn Ch.; về con chung: giao cháu Vi Thị B, sinh ngày 10/04/2009 và Vi Đức T, sinh ngày 02/6/2013 cho chị Phan Thị Đ. trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng theo nguyện vọng của các cháu và theo quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Các đương sự không đề nghị giải quyết nên không đề cập xử lý. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị HĐXX giải quyết về án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện chị Phan Thị Đ. đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vi Văn Ch. và giao nuôi con chung; không đề nghị giải quyết về tài sản, công nợ chung. Do vậy quan hệ pháp luật ở đây được xác định là “Ly hôn, giao nuôi con khi ly hôn”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. Về việc tham gia tố tụng của các đương sự:

Căn cứ kết quả xác minh thể hiện bị đơn anh Vi Văn Ch. có hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã Đ, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, anh Ch. là lao động tự do, thường xuyên vắng nhà. Quá trình giải quyết anh Ch. đã thể hiện quan điểm của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị Đ. nên Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo quy định tại các Điều 28, 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phan Thị Đ. vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Vi Văn Ch. vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Đ. và anh Vi Văn Ch. kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 03/8/2009 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc sau phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng hiện sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay. Quá trình giải quyết chị Phan Thị Đ. có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vi Văn Ch, anh Ch. có quan điểm không nhất trí ly hôn với chị Đ.

Căn cứ kết quả xác minh thể hiện cuộc sống vợ chồng chị Phan Thị Đ. và anh Vi Văn Ch. thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng hiện sống ly thân. Lời khai bị đơn anh Vi Văn Ch. khai trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện: Nguyên nhân mâu thuẫn do chị Phan Thị Đ. đi làm ăn xa, vợ chồng bất đồng quan điểm về kinh tế, chị Đ. thường không hay về nhà nên tình cảm vợ chồng rạn nứt, hiện vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2021.

Như vậy, đủ cơ sở xác định cuộc sống hôn nhân của chị Phan Thị Đ. và anh Vi Văn Ch. thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn đã đến mức làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, vợ chồng hiện sống ly thân. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia

đình, có cơ sở chấp nhận đơn khởi kiện, xử cho chị Phan Thị Đ. được ly hôn với anh Vi Văn Ch.

- Về con chung: Chị Phan Thị Đ. và anh Vi Văn Ch. có 02 con chung là Vi Thị B, sinh ngày 10/04/2009 và Vi Đức T, sinh ngày 02/6/2013. Các cháu hiện đang sống cùng anh Vi Văn Ch. tại thôn N, xã Đ, huyện S. Quá trình giải quyết, chị Đ. và anh Ch. cùng có quan điểm được nhận trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các cháu.

Xét thấy, cháu Vi Thị B. và Vi Đức T. là con chung của chị Phan Thị Đ. và anh Vi Văn Ch. nên anh chị đều cùng phải có nghĩa vụ và trách nhiệm đối với các cháu. Mặc dù quá trình giải quyết chị Đ. và anh Ch. cùng có quan điểm đề nghị giao con chung cho anh, cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Tuy nhiên các lần lấy lời khai cả 02 cháu Vi Thị B. và Vi Đức T. đều cùng có nguyện vọng được ở với mẹ. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung và đảm bảo quyền lợi của các đương sự sau khi ly hôn, cần giao cháu có 02 con chung là Vi Thị B, sinh ngày 10/04/2009 và Vi Đức T, sinh ngày 02/6/2013 cho chị Phan Thị Đ. trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh Vi Văn Ch. không phải cấp dưỡng nuôi con (do chị Đ. không yêu cầu) và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở

- Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị Phan Thị Đ. và anh Vi Văn Ch. xác định tự thỏa thuận, không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Phan Thị Đ. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định pháp luật.

[5]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 266, 271, 273 - Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phan Thị Đ. được ly hôn với anh Vi Văn Ch.
2. Về con chung: Giao cháu Vi Thị B, sinh ngày 10/04/2009 và Vi Đức T, sinh ngày 02/6/2013 cho chị Phan Thị Đ. trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Vi Văn Ch. không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.
3. Về án phí: Chị Phan Thị Đ. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001778 ngày 25 tháng 10 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Dương. Chị Đ. đã nộp đủ án phí của vụ án.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Sơn Dương;
- UBND xã C. (Nơi ĐKKH);
- UBND xã Đ. (Nơi ĐKHKT);
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Hồng Chiến